TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Số: 76/2024/QĐST-DS	*Cầu Ngang, ngày 22 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 12 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 245/2024/TLST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện hợp pháp cho bà Đ: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1955. Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về số tiền phải trả: Bà Nguyễn Thị M tự nguyện thoả thuận trả cho bà Phạm Thị Đ số tiền góp hụi của dây hụi ngày 09/6/2019 và 11/8/2019 còn nợ 11.355.000 đồng *(Mười một triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng*) theo yêu cầu của ông N đại diện cho bà Phạm Thị Đ.

- Về thời hạn trả: Ông Nguyễn Văn N đại diện cho bà Phạm Thị Đ và bà Nguyễn Thị M tự nguyện, thỏa thuận do Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, giải quyết theo Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông N đại diện bà Phạm Thị Đ thoả thuận nộp 141.937 đồng (*Một trăm bốn mươi mốt nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng*) nhưng xét bà Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí. Căn cứ vào Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí nên Thẩm phán xem xét chấp nhận xét miễn tiền án phí cho bà Đ.

+ Bà Nguyễn Thị M thỏa thuận nộp 141.937 đồng (*Một trăm bốn mươi mốt nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng*) nhưng xét bà M là con của liệt sĩ, có giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí nên Thẩm phán xem xét chấp nhận xét miễn tiền án phí cho bà M.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Kim Thoa